

# 10 ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 MÔN NGỮ VĂN 9 NĂM HỌC 2020 – 2021 CÓ HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

## 1. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 9 – Số 1

PHÒNG GD & ĐT BÌNH GIANG

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN: NGỮ VĂN 9

NĂM HỌC: 2020 – 2021

Thời gian làm bài: 90 phút

### Câu 1 (2 điểm):

- Hãy giải thích nhan đề “Truyện kì mạn lục”
- Tóm tắt ngắn gọn (khoảng 10 câu) cốt truyện “Chuyện người con gái Nam Xương”.

### Câu 2 (3 điểm):

 Đọc câu thơ sau rồi thực hiện các yêu cầu:

[...] Kiều càng sắc sảo, mặn mà,

....

(Ngữ Văn 9, tập 1, trang 81 – NXB Giáo dục, 2007)

- Chép theo trí nhớ 7 câu thơ tiếp của đoạn trích.
- Đoạn thơ em vừa chép trích từ văn bản nào? Thuộc tác phẩm nào? Tác giả là ai?
- Viết đoạn văn khoảng 5 câu nêu ngắn gọn nội dung đoạn thơ trên trong đó có dùng một lời dẫn trực tiếp. (Chỉ rõ lời dẫn trực tiếp trong đoạn văn)

### Câu 3 (5 điểm):

Phân tích tâm trạng của Thúy Kiều trong tám câu thơ cuối của đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích (trích Truyện Kiều - Nguyễn Du)

-----HẾT-----

## HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 SỐ 1

MÔN: NGỮ VĂN 9

### Câu 1 (2 điểm):

#### a. Hãy giải thích nhan đề “Truyện kì mạn lục”.

Với nhan đề trung đại như này cần giải thích nghĩa từng từ một và phải theo thứ tự từ trái sang phải: ( HS giải thích được mỗi từ được 0,25đ)

- Lục là ghi chép.
- Mạn là tản mạn.
- Kì là kì ảo.
- Truyện là lưu truyền

Vậy nhan đề “Truyền kì mạn lục” là ghi chép một cách tản mạn những điều hoang đường kì ảo được lưu truyền trong dân gian. (Nếu HS giải thích gộp thì cho 0,75đ)

**b) Yêu cầu về hình thức:** Học sinh viết thành đoạn văn tóm tắt (0,25đ)

Về nội dung: HS cần tóm tắt được các ý sau: (0,75đ)

- Vũ Thị Thiết (còn gọi là Vũ Nương) quê ở Nam Xương, là người con gái thùy mị, nết na, tư dung tốt đẹp. Chồng nàng là Trương Sinh, con nhà khá giả nhưng không có học và có tính đa nghi, hay ghen.

- Cuộc sống gia đình đang êm ấm thì chàng Trương Sinh phải đầu quân đi đánh giặc. Ít ngày sau, Vũ Nương sinh con trai, đặt tên là Đản. Bà mẹ Trương Sinh vì nhớ con mà sinh bệnh, nàng hết lòng chăm sóc nhưng được ít lâu là bà mất.

- Giặc tan, Trương Sinh trở về, bé Đản không chịu gọi chàng là cha mà một mực nói cha Đản thường buổi tối mới đến. Trương Sinh nghi ngờ vợ thất tiết, Vũ Nương không minh oan được, bèn gieo mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn.

- Một đêm, thấy bóng cha trên tường, bé Đản gọi đó là cha, lúc bấy giờ Trương Sinh mới tỉnh ngộ nhưng đã quá muộn.

- Cùng làng với Vũ Nương có người họ Phan, có lần cứu được thần rùa Linh Phi, vợ vua Nam Hải, sau bị nạn đắm thuyền được Linh Phi cứu mạng, rồi được khoản đãi. Trong bữa tiệc, Phan Lang nhận ra Vũ Nương nay đã là người thủy cung. Nghe Phan Lang kể chuyện nhà, Vũ Nương thương nhớ chồng con muốn về dương thế. Nàng nhờ Phan Lang nói với Trương Sinh lập đàn giải oan, nàng sẽ trở về. Nhưng cuối cùng, Vũ Nương chỉ hiện lên giữa dòng sông, nói vài câu với chồng rồi biến mất.

**Câu 2 (3 điểm):**

**a)** Chép theo trí nhớ chính xác 7 câu thơ tiếp của đoạn trích. (1đ). Nếu sai từ 2 – 3 lỗi chính tả, từ ngữ (trừ 0,25đ)

“So bề tài sắc lại là phần hơn  
Làn thu thủy, nét xuân sơn,  
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.  
Một hai nghiêng nước nghiêng thành,  
Sắc đành đòi một tài đành họa hai.  
Thông minh vốn sẵn tính trời,  
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm.”

(Ngữ Văn 9, tập 1, trang 81)

**b)** Đoạn thơ em vừa chép trích từ văn bản: “Chị em Thúy Kiều” (0,25đ)

- Thuộc tác phẩm Truyện Kiều. (0,25đ)

- Tác giả là Nguyễn Du. (0,25đ)

**c)** Viết đúng hình thức đoạn văn có dùng một lời dẫn trực tiếp và chỉ rõ lời dẫn trực tiếp trong đoạn văn. (0,25đ)

- Nội dung : Nhan sắc : Kiều có vẻ đẹp vừa sắc sảo, lộng lẫy, vừa mặn mà, duyên dáng, yêu kiều. Nàng quả là một trang tuyệt thế giai nhân làm say đắm, chinh phục lòng người. (0,5đ)

Tài năng: Kiều không chỉ đẹp mà còn rất đa tài: Tài năng của Kiều đã đạt tới mức lí tưởng. Làm thơ, vẽ tranh, ca ngâm, âm nhạc, mọi thứ Kiều đều tỏ ra thành thạo, chuyên nghiệp. (0,5đ)

### **Câu 3 (5 điểm):**

Phân tích tâm trạng của Thúy Kiều trong tám câu thơ cuối của đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích (trích Truyện Kiều - Nguyễn Du)

#### **a) Yêu cầu về kĩ năng:**

- Học sinh phải xác định được đây là kiểu bài nghị luận văn học: Phân tích cảm nhận thơ. Cho nên biết vận dụng nhiều thao tác trong khi làm bài như phân tích, đánh giá, nhận xét, trích dẫn thơ hợp lí...

- Bố cục phải rõ ràng, chặt chẽ, văn phong trôi chảy và có chất văn.

#### **b) Yêu cầu về kiến thức:**

\* Mở bài

- Giới thiệu về tác giả, tác phẩm, đoạn trích.

- Nêu khái quát được tâm trạng buồn đau, lo sợ, hãi hùng của Kiều qua nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.

\* Thân bài

Phân tích 8 câu thơ cuối thể hiện tâm trạng buồn đau, lo sợ, hãi hùng của Kiều

Đoạn thơ gồm 4 cặp câu lục bát. Mỗi cặp câu làm hiện lên một bức tranh cảnh vật. Mỗi bức tranh cảnh vật đồng thời là một ẩn dụ về cảnh ngộ và tâm trạng nàng Kiều.

- Cặp câu thứ nhất:

“Buồn trông cửa bể chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa”.

+ Trước mắt người đọc là bức tranh cửa bể rộng lớn lúc hoàng hôn.

+ Hình ảnh “thuyền ai” đơn độc gợi ra thân phận nàng Kiều khi xa nhà, xa quê, bơ vơ, trợ trợ, lênh đênh chẳng cặp được bến bờ nào.

+ Cảnh vật trong câu thơ vì thế góp phần thể hiện tâm tư nàng Kiều. Đó là tâm tư buồn - nỗi buồn da diết vì quê nhà xa cách, vì đơn chiếc, lẻ loi.

- Cặp câu thứ hai:

“Buồn trông ngọn nước mới sa

Hoa trôi man mác biết là về đâu”.

+ Cảnh trong hai câu thơ này là hoa trôi mặt nước. Thấy “hoa” mà không thấy đẹp. Từ “trôi” chỉ sự vận động, rời chuyển nhưng là vận động chuyển trong thế thụ động. + Những cánh hoa rơi trôi nổi, phiêu dạt gợi ra số kiếp mỏng manh của Kiều giữa bể trời dài rộng.

+ Trước dòng đời chảy trôi, mênh mông, vô định, Kiều nhìn hoa như cũng thấy hoa buồn! Từ “man mác” hoa nhưng lại gợi nỗi chán chường, thất vọng của nhân vật trữ tình – Thúy Kiều.

- Cặp câu thứ ba:

*“Buồn trông nội cỏ rầu rầu**Chân mây mặt đất một màu xanh xanh”.*

+ Cảnh trong hai câu thơ là “nội cỏ rầu rầu”. “Rầu rầu” vốn là từ láy tả tâm trạng được Nguyễn Du để tả màu sắc. Trải dài trong một không gian như vô tận, nối liền từ “mặt đất” tới “chân mây” là màu xanh nhợt nhạt và héo hắt. Bức tranh một cỏ vì thế cảm thật ảm ám!

+ Kiều thất vọng và mất phương hướng, không biết thoát ra bằng cách nào- đây vừa là tâm trạng vừa là cảnh ngộ của nàng khi đó.

- Cặp câu cuối:

*“Buồn trông gió cuốn mặt duềnh**Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”*

+ Cảnh trong hai câu thơ là cảnh giông bão, sóng gió. Âm thanh bây giờ mới xuất hiện nhưng không phải âm thanh sự sống mà là tiếng thét gào của “sóng kêu”, “gió cuốn”, “ầm ầm”, dữ dội. Chối với giữa cái bất tận, sôi sục cả ở quanh Kiều, cả trong lòng Kiều.

+ Nàng Kiều như đang đứng trước tai ương dữ dội. Hiểm nguy như đang dồn đuổi, vây bủa quanh nàng chờ thời cơ là nhấn xuống.

+ Còn lòng Kiều thì như lớp lớp sóng dồn - lớp sóng của buồn đau, hãi hùng, lo sợ. Tiếng “sóng kêu” còn là tiếng kêu thương đờn độc của một kiếp hoa bị vùi dập!

Đánh giá

Có thể nói 8 câu thơ cuối là bức tranh tứ bình đầy ấn tượng, diễn tả nỗi buồn ở nhiều cung bậc trong nàng Kiều. Thành công nổi bật của ND trong đoạn là bút pháp tả cảnh ngụ tình. Cùng với bút pháp tả cảnh ngụ tình là điệp ngữ “buồn trông”. Cụm từ “buồn trông” mở đầu câu thơ 6 chữ tạo âm hưởng trầm buồn. “Buồn trông” thành điệp khúc của đoạn thơ, cũng là điệp khúc của tâm trạng.

\*Kết bài.

- Khái quát lại nội dung và nghệ thuật đoạn thơ

Biểu điểm:

- Điểm 5: Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên; văn viết có cảm xúc, hình ảnh; dẫn chứng phong phú; phân tích sâu sắc; diễn đạt tốt, chữ viết sạch sẽ, rõ ràng.

- Điểm 3 - 4: Đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên. Bài viết có kết cấu chặt chẽ, lời văn mạch lạc, giàu cảm xúc, dẫn chứng phong phú, diễn đạt tốt, chữ viết sạch sẽ, rõ ràng, có thể còn một vài lỗi nhỏ về chính tả, diễn đạt.

- Điểm 1 - 2: Năng lực cảm nhận còn hạn chế; phân tích còn sơ sài; còn mắc nhiều lỗi chính tả, diễn đạt, bố cục lỏng lẻo; văn viết lủng củng. - Điểm 0: Hoàn toàn lạc đề.

(GV căn cứ vào bài làm cụ thể của học sinh để cho điểm chính xác, phù hợp)

## 2. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 9 – Số 2

**PHÒNG GD & ĐT BÌNH GIANG  
TRƯỜNG THCS THÁI HÒA**

**ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1  
MÔN: NGỮ VĂN 9  
NĂM HỌC: 2020 – 2021  
Thời gian làm bài: 90 phút**

**Câu 1. (2 điểm)** Đọc đoạn thơ rồi thực hiện các yêu cầu:

*Kiều càng sắc sảo, mặn mà,  
So bề tài, sắc, lại là phần hơn.  
Làn thu thủy, nét xuân sơn,  
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.  
Một, hai nghiêng nước nghiêng thành,  
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.*

(Ngữ văn 9, tập 1, trang 81 – NXB Giáo dục, 2007)

- Đoạn thơ trên trích từ văn bản nào? Thuộc tác phẩm nào? Tác giả là ai?
- Xác định thể thơ.
- Chép lại câu thơ sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa.
- Tìm một thành ngữ có trong đoạn thơ.

**Câu 2 (3 điểm)**

*Trong Truyện Kiều có hai câu thơ:*

*Dưới cầu nước chảy trong veo  
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha*

Hai câu thơ trên gợi cho em nhớ đến hai câu thơ nào trong đoạn trích "Cảnh ngày xuân" (Ngữ Văn 9 – Tập I)? Nêu nội dung chính của hai câu thơ vừa chép? Qua đó em có nhận xét gì về ngòi bút tả cảnh của Nguyễn Du?

**Câu 3 (3 điểm)**

Thương cảm cho số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa, Nguyễn Du đã từng viết:

*"Đau đớn thay phận đàn bà  
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung"*

- Em hiểu như thế nào về ý thơ trên?
- Từ cuộc đời của Vũ Nương - nhân vật trong "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ, Thúy Kiều - nhân vật trong "Truyện Kiều" của Nguyễn Du, em cảm nhận được điều gì về số phận của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội xưa và nay?

**Câu 4 (2 điểm):**

Miêu tả vẻ đẹp của nàng Kiều, Nguyễn Du viết:

*... "Làn thu thủy, nét xuân sơn  
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh..."*

(SGK Ngữ văn 9- tập 1)

Khi chép lại hai câu thơ này để phân tích, một bạn học sinh đã chép nhầm từ "hờn" trong câu thơ thứ hai thành từ "buồn". Em hãy giải thích ngắn gọn cho bạn hiểu rằng việc chép sai như vậy đã làm ảnh hưởng đến ý nghĩa của câu thơ?

---- HẾT ----

**HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 SỐ 2**

**MÔN: NGỮ VĂN 9**

**Câu 1. (2 điểm)** a. Đoạn thơ trên trích từ văn bản Chị em Thúy Kiều. Thuộc tác phẩm Truyện Kiều. Tác giả là Nguyễn Du (0,75 đ)

b. Xác định thể thơ: Lục bát (0,25 đ)

c. Câu thơ sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa: Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh. (0,5 đ)

d. Một thành ngữ có trong đoạn thơ: nghiêng nước nghiêng thành, (0,5 đ)

**Câu 2 (3 điểm)**

Chép đúng hai câu thơ: (0,5 đ)

*“Nao nao dòng nước uốn quanh  
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang”*

- Hai câu thơ trong đoạn trích Cảnh ngày xuân cũng là cây cầu, dòng nước nhưng tất cả hình ảnh đều mang dáng dấp nho nhỏ, phẳng phất nỗi buồn của lòng người. (1,5 đ)
- Nhận xét về nghệ thuật tả cảnh của Nguyễn Du: Cảnh vật hiện lên mang đầy tâm trạng. (Cảnh được nhìn qua tâm trạng của nhân vật). Đó là tài năng trong nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du (1 đ)

**Câu 3 (3 điểm)**

a. Giải thích ý thơ: (1 đ)

- Niềm thương cảm của Nguyễn Du dành cho những người phụ nữ. "Phận" là thân phận, "mệnh" là số phận do trời định. "Lời bạc mệnh" là "lời chung" dành cho những người phụ nữ => Đó là kiếp "đàn bà" đều phải chịu đắng cay, khổ cực.

b. Trình bày suy nghĩ về số phận người phụ nữ xưa và nay:

- Suy nghĩ về người phụ nữ trong xã hội xưa (1 đ)

+ Thân phận: thân phận của những con người chịu nhiều bất công, oan ức và bị chà đạp về nhân phẩm.

+ Số phận Vũ Nương, Thúy Kiều hội đủ những bi kịch của người phụ nữ, là "tám gương oan khổ";

- Suy nghĩ về người phụ nữ trong xã hội ngày nay (1 đ)

+ Ngày nay trong xã hội mới, xã hội hiện đại khi nam nữ đã bình quyền, phụ nữ đã được tôn trọng, đánh giá ngang với đàn ông. Pháp luật đã bảo vệ họ

+ Người phụ nữ ngày nay vẫn kế thừa và phát huy được truyền thống tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam: vẫn coi trọng tứ đức, tam tông nhưng không chỉ dừng lại ở đó. Tứ đức cùng với đạo tam tông không phải là tư tưởng chính thống quyết định số phận họ. Ngày nay phụ nữ có quyền bình đẳng như nam giới: tự mình quyết định hạnh phúc, tương lai, cuộc đời mình.

+ Thực tế xã hội ngày nay bạo lực gia đình không hẳn đã chấm hết, người phụ nữ chưa hẳn đã được bình đẳng tuyệt đối như nam giới vốn do thiên bẩm là thế nhưng họ đã thực sự có một cuộc đời mới, số mệnh mới...

**Câu 4 (2 điểm):**

- Giải thích: (0,5 đ)

+ Từ "buồn" chỉ trạng thái của con người luôn lo nghĩ, âu sầu không vui.

+ Từ "hờn" chỉ thái độ giận dữ ghen ghét, đố kỵ

- Khẳng định: (1,5 đ) + Việc chép nhầm như vậy đã làm thay đổi ý nghĩa của câu thơ, không thể hiện được thái độ bất bình, đố kỵ của thiên nhiên trước dung nhan tươi thắm đầy sức sống của nàng Kiều, do đó cũng không dự báo được số phận éo le đau khổ của nàng.

Việc chép nhầm từ làm giảm ý nghĩa của câu thơ: Không thể hiện được vẻ đẹp hoàn mỹ của nàng Kiều, vẻ đẹp vượt trội hơn hẳn so với thiên nhiên, ngoài ra còn làm ảnh hưởng đến tính cân đối của hai vế trong câu thơ (ghen phải đi với hờn)

+ Qua đó càng khẳng định nghệ thuật sử dụng từ ngữ bậc thầy của Nguyễn Du.

### 3. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 9 – Số 3

**TRƯỜNG THCS ĐÀM QUANG TRUNG**

**ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1**

**MÔN: NGỮ VĂN 9**

**NĂM HỌC: 2020 – 2021**

**Thời gian làm bài: 90 phút**

#### I. ĐỌC – HIỂU: (5 điểm)

**Câu 1.** Chép 8 câu thơ miêu tả vẻ đẹp của Thúy Vân và Thúy Kiều trong đoạn trích “Chị em Thúy Kiều (Truyện Kiều – Nguyễn Du) (2 điểm).

**Câu 2.** Miêu tả vẻ đẹp của hai chị em tác giả sử dụng thủ pháp nghệ thuật gì? (1 điểm).

**Câu 3.** Trong các câu sau, câu nào từ chân được dùng với nghĩa gốc? Câu nào từ chân được dùng với nghĩa chuyển? chuyển nghĩa theo phương thức nào?

a, Dù ai nói ngả nói nghiêng

Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.

b, Năm em học sinh khối 9 có chân trong đội tuyển bóng đá của trường.

c, Đền huề lưng túi gió trăng,

Sau chân theo một vài thằng con con.

#### II. TẬP LÀM VĂN: (5 điểm)

Viết đoạn văn kể lại một giấc mơ, trong đó em gặp lại người thân đã xa cách lâu ngày.

---HẾT---

### HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 SỐ 3

**MÔN: NGỮ VĂN 9**

#### I. ĐỌC – HIỂU: (5 điểm)

**Câu 1.** HS chép đúng 8 câu thơ

**Câu 2.** Nghệ thuật: Ước lệ

**Câu 3.**

- Chân (c): Nghĩa gốc

- Chân (b): Nghĩa chuyển – phương thức hoán dụ.

- Chân (a): Nghĩa chuyển – phương thức ẩn dụ.

#### II. TẬP LÀM VĂN: (5 điểm)

**a. Kỹ năng:**

- Đoạn văn có bố cục rõ ràng, có liên kết.
- Có kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm.
- Lời kể, ngôi kể phù hợp.
- Diễn đạt trôi chảy, kể tự nhiên, ngữ pháp và chính tả chuẩn.

**b. Nội dung:**

- Giới thiệu được tình huống gặp lại người thân
- Lựa chọn nhân vật, xây dựng nhân vật với những nét riêng (có kết hợp yếu tố miêu tả để tạo được nét độc đáo của nhân vật).
- Kể lại sự việc tiêu biểu trong buổi gặp gỡ hoặc kỷ niệm đáng nhớ về nhân vật (có kết hợp miêu tả và biểu cảm).
- Suy nghĩ, tình cảm của bản thân đối với người thân qua giấc mơ ấy.

**c. Hướng dẫn làm bài:**

- Mở đoạn: Giới thiệu được tình huống gặp lại người thân.
- Thân đoạn:
  - + Kể lại sự việc tiêu biểu trong buổi gặp gỡ hoặc kỷ niệm đáng nhớ về nhân vật (có kết hợp miêu tả và biểu cảm).
- Kết đoạn: Suy nghĩ, tình cảm của bản thân đối với người thân qua giấc mơ ấy..

**4. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 9 – Số 4**

**PHÒNG GD & ĐT QUẬN HOÀN KIẾM  
TRƯỜNG THCS TRUNG VƯƠNG**

**ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1**

**MÔN: NGỮ VĂN 9**

**NĂM HỌC: 2020 – 2021**

**Thời gian làm bài: 90 phút**

**Câu 1. (2,0 điểm):**

Kiều ở lầu Ngưng Bích là một trong những đoạn miêu tả nội tâm nhân vật thành công nhất trong Truyện Kiều, đặc biệt là bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình.

- Thế nào là nghệ thuật tả cảnh ngụ tình?
- Hãy chọn và phân tích một câu thơ (hoặc một đoạn thơ) trong đoạn trích để làm nổi bật bút pháp nghệ thuật này dưới ngòi bút Nguyễn Du.

**Câu 2. (3,0 điểm):**

- Hãy kể tên các phương châm hội thoại đã học.
- Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống:
  - Nói nhằm nhí, vu vơ là /.../
  - Nói nhằm châm chọc điều không hay của người khác một cách cố ý là /.../
  - Nói rành mạch, cặn kẽ, có trước có sau là /.../
  - Nói có căn cứ chắc chắn là /.../



e) Nói chen vào chuyện của người trên khi không được hỏi đến là /...

( nói mát; nói hớt; dây cà ra dây muống; nói móc; nói mò; nói có sách, mách có chứng; nói leo; nói nhăng nói cuội, nói ra đầu ra đũa)

Cho biết mỗi từ ngữ trên chỉ cách nói liên quan đến phương châm hội thoại nào?

**Câu 3. (5,0 điểm):**

Tưởng tượng 20 năm sau, vào một ngày hè, em về thăm lại trường cũ. Hãy viết thư cho một bạn học hồi ấy kể lại buổi thăm trường đầy xúc động đó.

---HẾT---

**HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 SỐ 4**

**MÔN: NGỮ VĂN 9**

**Câu 1: (2,0 điểm)**

– Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình là mượn cảnh vật để gửi gắm tâm trạng. Cảnh không đơn thuần là bức tranh thiên nhiên mà còn là bức tranh tâm trạng. Cảnh là phương tiện miêu tả, tâm trạng là mục đích miêu tả. (0,5 đ)

– Học sinh chọn và phân tích một câu thơ (hoặc một đoạn thơ) trong đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích để làm nổi bật bút pháp tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du.

**Yêu cầu:**

+ Chọn hợp lí (Câu thơ hay đoạn thơ phải sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình, phải truyền tải 1 nội dung tương đối trọn vẹn). (0,5 đ)

+ Phân tích được những đặc sắc của bút pháp tả cảnh ngụ tình trong câu (đoạn) thơ đã chọn. (1,0 đ)

**Câu 2. (3,0 điểm):**

– Các phương châm hội thoại đã học: (0,5 đ)

+ Phương châm về lượng

+ Phương châm về chất

+ Phương châm quan hệ

+ Phương châm cách thức

+ Phương châm lịch sự

Lưu ý: Kể đúng cả 5 phương châm: 0,5 đ; đúng 3,4 phương châm: 0,25; chỉ kể được 1,2 phương châm: không cho điểm.

– Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống và phương châm hội thoại liên quan. (2,5 đ)

a. Nói nhảm nhí, vu vơ là nói nhăng nói cuội: phương châm về chất.

b. Nói nhằm châm chọc điều không hay của người khác một cách cố ý là nói móc: phương châm lịch sự.

c. Nói rành mạch, cặn kẽ, có trước có sau là nói ra đầu ra đũa: phương châm cách thức.

d. Nói có căn cứ chắc chắn là nói có sách, mách có chứng: phương châm về chất.

e. Nói chen vào chuyện của người trên khi không được hỏi đến là nói leo: phương châm lịch sự.

**Lưu ý:** Mỗi ý đúng: 0, 5 đ, đúng được nửa ý (chỉ điền từ đúng hoặc tìm phương châm hội thoại liên quan đúng): 0,25 đ

**Câu 3. (5,0 điểm):**

Tưởng tượng 20 năm sau, vào một ngày hè, em về thăm lại trường cũ. Hãy viết thư cho một bạn học hồi ấy kể lại buổi thăm trường đầy xúc động đó.

Hải Anh thân mến!

Hải Anh à, chắc hẳn rằng bạn sẽ rất bất ngờ khi nhận được bức thư này. Dạo này bạn khỏe chứ? Đã 20 năm rồi kể từ ngày lớp mình chia tay chúng mình chưa từng gặp lại nhau. Cuộc

sống ở Anh thế nào? Có gì khác so với ở Việt nam không? Dưới cái chôn đồng người tấp nập ấy có lẽ bạn không còn nhớ tới mình nhưng mình thì rất nhớ bạn đấy, người bạn thân yêu à. Mình có một chuyện muốn kể với bạn nhưng mình tin chắc rằng bạn sẽ không thể ngờ được đâu. Đó là mấy tuần trước, mình về quê thăm họ hàng, tình cờ mình đã về thăm lại ngôi trường cũ khi xưa chúng mình từng ngồi học và có biết bao kỉ niệm êm đềm, ngôi trường THCS Tân Dân thân yêu!

Hôm ấy là vào một ngày đầu hè nắng chói chang, bầu trời trong xanh cao vợi vợi, mình đã bước qua cánh cổng cổng mang tên Thcs Tân Dân ấy để bước vào khuôn viên trường. Ngôi

trường xưa đã hoàn toàn thay đổi khiến mình rất ngạc nhiên. Trường đã xây rộng hơn rất nhiều, có ba dãy nhà, hai dãy nhà ba tầng là các phòng học và một dãy hiệu bộ. Trường được phủ một lớp sơn màu vàng sáng làm nổi bật dòng chữ: Tiên học lễ hậu học văn. Trường

rất rộng có cả sân bóng và hồ bơi nữa. Giữa sân là một cây bàng già, cổ thụ, tán lá to xanh mướt, che rợp bóng mát sân trường. Bạn có nhớ không, đó là cây bàng mà hồi lớp 9A chúng

mình trồng trước khi ra trường ấy. Thật không thể tin nổi rằng nó có thể lớn thế này rồi. Xung

quanh vườn trồng rất nhiều cây, có cả vườn sinh vật nữa. Tại một góc sân trường, một cây phượng với những cánh hoa nở đỏ rực như ngọn lửa giữa trời. Và bạn biết không, mình đã nhớ lại ngày xưa khi chúng mình vẫn ngồi ôn bài, đọc truyện dưới gốc cây ấy và thi nhau nhặt những cánh phượng làm hình những con bướm kẹp trong trang vở...

Đọc theo dãy hành lang dài là các lớp học khang trang, sạch đẹp, Bàn ghế, bảng đen... đều

đã được thay mới và còn có điều hòa, máy chiếu, tivi, máy vi tính hết sức tiện nghi. Những thiết bị dạy học, mô hình nghiên cứu, thiết bị điện tử giúp việc dạy và học được tốt hơn. Mình

chợt đi qua lớp học ngày ấy, có lẽ dù thời gian đã qua lâu rồi nhưng hình như mình nhận ra những kỉ niệm một hồi của lớp mình vẫn còn nguyên đó. 29 học sinh ngồi dưới mái trường

thân yêu cùng nhau chơi đùa, học tập, những cảnh ấy làm sao mà mình quên được. Nhớ sao những trò quậy phá, những ánh mắt tinh nghịch và cả những lúc quay bài nữa... không hiểu sao khi nhớ đến đây mình lại cười một mình, có phải đó là một niềm vui rất ngô nghê không? Trường còn có cả thư viện lớn với rất nhiều sách báo và cả canteen nữa. Có lẽ trường đã thay đổi quá nhiều so với tưởng tượng của mình trước đó.

Và..mình đã gặp lại cô giáo chủ nhiệm hồi ấy của bọn mình..cô Hà. Mình đã chạy đến ôm chầm lấy cô như muốn lấp đầy khoảng trống nỗi nhớ trong tim vậy. Cô đã béo hơn trước rất

nhều suýt chút nữa thì mình không nhận ra đây. Mái tóc cô đã điểm bạc, cũng ngoài 50 tuổi

rồi còn gì nhưng cô vẫn dốc hết mình cho sự nghiệp giáo dục, dạy dỗ những mầm non tương

lai của đất nước. Cô cũng rất sững sờ khi nhìn thấy mình và những niềm vui trong lòng mình

lại nở rộ lên. Cô đã đưa mình đi thăm trường và đã biết trường mình đã đạt chuẩn quốc gia đầy đủ và còn có rất nhiều học sinh đạt giải cao trong các kì thi tỉnh, huyện, và quốc gia. Bọn trẻ bây giờ sững thật, có trường học tiện nghi thế này, lại được các thầy cô dạy dỗ chỉ bảo

tận tình, ôi sao tự dưng mình thấy ghen tị với bọn chúng quá. Cô Hà đưa mình vào văn phòng Đoàn trường, nơi chứa những thành tích, bằng khen và sự cố gắng của trường trong

suốt bao năm qua. Mình đã nhìn thấy một bức ảnh nhỏ gắn giữa căn phòng, đó là bức ảnh mình, bạn, Hằng và Huy cầm trên tay giải thưởng học sinh giỏi tỉnh hồi đó. Mình cũng đã gặp

lại Hằng cách đây 2 năm, bạn ấy đang là một nhà báo xuất sắc.Mình cùng cô Hà đi thăm các

thầy cô giáo trong trường.Rất nhiều thầy cô đã nghỉ hưu, các thầy cô dạy mình hồi đó chỉ còn cô Hà, thầy Hân và cô Huyền. Các thầy cô giáo mới đến, có cô còn trẻ hơn cả tuổi mình

nữa nhưng luôn có một lòng nhiệt huyết, yêu nghề. Đứng từ trên cao nhìn xuống sân trường

nhộn nhịp mình lại nhớ ngày xưa, lòng chan chứa những kỉ niệm.Chợt mình muốn quay trở lại thời ấy một lần nữa, để được là một học sinh dưới ngôi trường này, dưới bàn tay che chở,thương yêu của các thầy cô giáo.

Ngay lúc này đây,tại nơi đất khách quê người, giữa chốn kinh đô thời trang hoa lệ này mình vẫn còn nhớ những cảm giác xao xuyến của ngày hôm ấy khiến mình nhớ trường nhớ bạn,nhớ thời học sinh. Xa trường bao năm rồi mà hôm ấy về thăm trường cũ mình lại có cảm giác gần gũi, thân thiết như xưa. Và giờ đây mình đang nhớ đến bạn, từ nơi xa kia

không biết bạn có thể hiểu được lòng mình hay không nhưng mình mong và hi vọng một ngày nào đó, khi trở về quê hương Việt Nam yêu dấu, mình và bạn sẽ nắm tay như thời còn

thơ ấy, thăm lại ngôi trường này và cùng nhau ôn lại những kỉ niệm đẹp.

Hải Anh à, hãy nhớ đến lời đề nghị này của mình nhé. Trả lời mình càng sớm càng tốt. Chúc

cho bạn sẽ có một cuộc sống hạnh phúc và gặt hái được nhiều thành công. Mong thư bạn nhiều.

Người bạn thân yêu

Hoàng thị Ngọc Lan

## 5. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 9 – Số 5

PHÒNG GD & ĐT HUYỆN THANH OAI  
TRƯỜNG THCS TÂN ƯỚC

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN: NGỮ VĂN 9

NĂM HỌC: 2020 – 2021

Thời gian làm bài: 90 phút

**Phần 1(7 điểm) Đọc đoạn thơ sau:**

*“Thuyền ta lái gió với buồm trắng  
Lướt giữa mây cao với biển bằng  
Ra đậu dặm xa dò bụng biển  
Giàn đan thế trận lưới vây giăng  
Cá nhụ cá chim cùng cá đé  
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng  
Cái đuôi em quẫy trắng vàng chóc  
Đêm thở sao lùa nước Hạ Long”*

(Sách giáo khoa Ngữ Văn 9, tập 1, NXBGDVN)

**Câu 1.** Đoạn thơ trên thuộc tác phẩm nào? Do ai sáng tác? Nêu hoàn cảnh ra đời của bài thơ?

**Câu 2.** Hình ảnh “buồm trắng” trong câu thơ, theo em là ẩn dụ hay hoán dụ?

**Câu 3.** Dựa vào đoạn thơ trên, viết một đoạn văn ngắn diễn dịch (đánh số thứ tự từng câu) trong đó có sử dụng một câu ghép có quan hệ bổ sung và một phép thế trình bày về khí thế của người lao động và vẻ đẹp của thiên nhiên.

**Câu 4.** Trong bài thơ khác mà em đã học ở lớp 9 có một hình ảnh lãng mạn được xây dựng trên cơ sở quan sát như hình ảnh “buồm trắng”. Hãy chép lại câu thơ đó, nêu tên tác giả và tác phẩm.

**Phần 2 (3 điểm) Trong đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”**

có câu:

*“Sân Lai cách mấy nắng mưa*

*Có khi gốc tử đã vừa người ôm”*

(Sách giáo khoa Ngữ Văn 9, tập 1, NXBGDVN)

**Câu 1.** Những câu thơ trên cho thấy nỗi nhớ của Kiều với ai? Chép chính xác đoạn thơ nói về nỗi nhớ người thân đó? Qua nỗi nhớ đó chứng tỏ phẩm chất gì của Kiều?

**Câu 2.** Chỉ ra các điển tích trong hai câu thơ trên? Em hiểu ý nghĩa của các điển tích đó như thế nào?

---HẾT---

## HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 SỐ 5

MÔN: NGỮ VĂN 9



### Phần 1. (7 điểm):

#### Câu 1:

- Đoạn thơ trên có trong bài “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận.
- Hoàn cảnh: Bài thơ được viết năm 1958. Sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc thắng lợi miền Bắc được giải phóng, bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bài thơ là kết quả của chuyến đi thực tế ở vùng mỏ Quảng Ninh của tác giả.

#### Câu 2:

- Hình ảnh “ Buồm trắng” là ẩn dụ.
- Giải thích: – Hình ảnh ẩn dụ “buồm trắng” được xây dựng trên sự quan sát rất thực và sự cảm nhận lãng mạn của nhà thơ Huy Cận.
- + Từ xa nhìn lại, trên biển có lúc thuyền đi vào khoảng sáng của vầng trăng. Trăng và cánh buồm chập vào nhau, trăng trở thành cánh buồm.
- + Vẻ đẹp thiên nhiên làm nhòa đi cánh buồm vất vả, cũ kĩ -> đây là công việc nhẹ nhàng, lãng mạn. – Con người và vũ trụ hòa hợp.

#### Câu 3:

- Hình thức:
- + Đúng hình thức đoạn văn diễn dịch, đủ số câu, có đánh số thứ tự câu
- + Có sử dụng câu ghép quan hệ bổ sung, phép thế, chỉ rõ
- Nội dung: hs cần làm rõ các ý cơ bản sau:
- + Thuyền có lái có buồm. Thuyền lướt đi trong đêm không phải bằng sức mạnh của con người mà bằng sức mạnh của câu hát, gió, trăng. Động từ “lướt” đặc tả vận tốc của đoàn thuyền. Thuyền như lướt đi, như bay lên. Hình ảnh ẩn dụ “buồm trắng” gợi liên tưởng thú vị. Vào đêm trăng sáng ánh trăng chiếu xuống mặt nước, vào một lúc nào đó ánh trăng và cánh buồm chập lại làm một tạo thành hình ảnh buồm đắm ánh trăng.
- + Chủ nhân của con thuyền- người đánh cá cũng trở nên lồng lộng giữa biển trời trong tư thế làm chủ. Biển thu hẹp để con người “ra đậu dặm xa”, “ dò bụng biển” tìm tòi khám phá. Họ đang hoàng ra những nơi xa đánh cá. Công việc đánh cá được so sánh với công việc đánh trận.
- + Qua đó cho thấy khí thế lao động khẩn trương, hình ảnh con người và thiên nhiên hòa nhập làm một. Tất cả được cảm nhận bằng hồn thơ lãng mạn của tác giả.

#### Câu 4:

– Một hình ảnh cũng được xây dựng trên cơ sở quan sát đó là: “Đầu súng trăng treo” trong bài thơ Đồng Chí của Chính Hữu.

## Phần 2 (3 điểm)

### Câu 1:

- Những câu thơ trên cho thấy nỗi nhớ của Kiều với cha, mẹ.
- Chép chính xác:

*“Xót người tựa cửa hôm mai  
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?  
Sân Lai cách mấy nắng mưa  
Có khi gốc tử đã vừa người ôm”*

- Qua đó cho thấy Kiều là người hiếu thảo, vị tha

### Câu 2:

- Các điển tích: Sân Lai, gốc tử
- Ý nghĩa:

+ Sân Lai: sân nhà lão Lai Tử, đây chỉ sân nhà cha mẹ Thúy Kiều. (Theo Hiếu tử truyện: Lão Lai Tử người nước Sở thời Xuân Thu rất có hiếu, tuy đã già mà còn nhảy múa ngoài sân cho cha mẹ xem để mua vui cho cha mẹ).

+ Gốc tử: gốc cây tử (cây thị), chỉ cha mẹ đã già rồi.

## 6. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 9 – Số 6

TRƯỜNG THCS NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN: NGỮ VĂN 9

NĂM HỌC: 2020 – 2021

Thời gian làm bài: 90 phút

**Câu 1. (1,0 điểm)** Giải thích ý nghĩa và cho biết các thành ngữ sau liên quan đến các phương châm hội thoại nào .

- a. nói nhăng nói cuội                      b. mồm loa mép giải  
c. nói ra đầu ra đũa                      d. ăn cho nên đọi (tô), nói cho nên lời

**Câu 2 (1,0 điểm)** Từ “thu” có các nghĩa: một mùa trước mùa đông , góp vào, rút ra . Cho biết nghĩa của yếu tố “thu” trong các từ sau :

Truy thu, thu thanh, (tết) trung thu , tịch thu, thu nhập, mùa thu, thu hoạch, thu hồi,

**Câu 3 (1,5 điểm)** Nêu tên, bút danh, tác phẩm chính của 2 tác giả là người địa phương Tiền Giang có sáng tác được công bố sau năm 1975 mà em biết . Chép lại một tác phẩm (thơ, văn) của một tác giả người Tiền Giang mà em yêu thích .

**Câu 4 (1,5 điểm)** Chép chính xác những câu thơ miêu tả cảnh chị em Kiều đi du xuân trở về. Cho biết những câu thơ trên trích trong văn bản nào , nằm ở vị trí nào của tác phẩm Truyện Kiều ?

### Câu 5 (5,0 điểm)

Em hiểu như thế nào về câu nói sau: “Đừng đổ lỗi cho số phận. Mỗi điều rủi ro bạn gặp phải đều có nguyên nhân từ chính bạn” (P.Pốt-te)

Hãy kể một câu chuyện của bản thân có liên quan đến nội dung của câu nói trên

( Bài làm có kết hợp yếu tố miêu tả nội tâm)

---HẾT---

## HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 SỐ 6

### MÔN: NGỮ VĂN 9

#### Câu 1: Mỗi thành ngữ đúng (0,25đ)

- nói nhăng nói cuội : nói nhằm nhí vu vơ (phương châm về chất)
- mồm loa mép giải: nói nhiều, ngoa ngoắt (phương châm lịch sự)
- nói ra đầu ra đũa: nói rõ ràng , có đầu có cuối (phương châm cách thức)
- ...nói cho nên lời: khuyên người nói : nói cho hết ý, rõ ý, không nói mập mờ (p/c cách thức)

#### Câu 2: Mỗi từ chọn đúng (0,25đ)

Mùa thu, (tết) trung thu (mùa trước mùa đông)

Truy thu, thu hồi , tịch thu (rút ra)

Thu nhập, thu hoạch, thu thanh (góp vào)

#### Câu 3: (1,5 điểm)

- Nêu đúng, đủ yêu cầu đề (1đ)
- Chép đúng bài thơ (0,5đ)

#### Câu 4: (1,5 điểm)

- Chép chính xác 6 câu thơ cuối : “Tà tà...bắc ngang”

Sai, thiếu 1 từ /một dòng trừ 0,25đ

Chép thiếu 2 dòng :00,0đ

- Nêu đúng tên VB: Cảnh ngày xuân (0,25đ), sau đoạn trích Chị em Thúy Kiều (0,25đ)

#### Câu 5: (5 điểm)

##### Yêu cầu chung

- Học sinh nắm được vấn đề, nắm thể loại
- Giải thích đúng câu nói :

Điều rủi ro là cái không may mắn, không thuận theo ý muốn; là sự thất bại, không đạt được mục đích....

Đứng trước sự thất bại ta thường đổ lỗi cho số phận: như vậy ta sẽ thấy nhẹ lòng, buông xuôi cho số phận . Điều đó hoàn toàn không đúng .

Tất cả những rủi ro ta gặp phải đều có nguyên nhân từ chính mình .Thành công hay thất bại của ta là do ta quyết định .

- Kể một câu chuyện của bản thân có liên quan

- Biểu điểm:

- + 4,0 - 5,0 điểm: Đáp ứng hầu hết các yêu cầu trên, diễn đạt tốt, có yếu tố nội tâm phù hợp.
- + 2,5 - 3,0 điểm: Đáp ứng được 2 yêu cầu của đề, diễn đạt còn vụng nhưng tỏ ra hiểu được vấn đề

Tùy theo bài làm của học sinh để đánh giá các điểm số còn lại.

## 7. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 9 – Số 7

TRƯỜNG THCS HOA LƯ

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN: NGỮ VĂN 9

NĂM HỌC: 2020 – 2021

Thời gian làm bài: 90 phút

### I. Trắc nghiệm (2 điểm):

Chọn đáp án trả lời đúng nhất rồi ghi vào bài làm.

**Câu 1:** Yêu cầu “Khi giao tiếp, cần nói cho có nội dung; nội dung của lời nói phải đáp ứng đúng yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thiếu, không thừa” thuộc về phương châm hội thoại nào?

- A. Phương châm về lượng;
- B. Phương châm về chất;
- C. Phương châm quan hệ;
- D. Phương châm cách thức.

**Câu 2:** Phương án nào sau đây không nói về thuật ngữ?

- A. Là từ ngữ biểu thị các khái niệm khoa học, công nghệ;
- B. Là từ ngữ có tính biểu cảm cao;
- C. Mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị một khái niệm khoa học;
- D. Mỗi khái niệm được biểu thị bằng một thuật ngữ.

**Câu 3:** Đoạn trường tân thanh là tên gốc của tác phẩm nào?

- A. Truyện Lục Vân Tiên;
- B. Truyện Kiều;
- C. Chuyện cũ trong phủ Chúa Trịnh;
- D. Chuyện người con gái Nam Xương.

**Câu 4:** Truyện Kiều viết bằng thể loại nào dưới đây ?

- A. Truyện thơ;
- B. Tiểu thuyết chương hồi;
- C. Truyện ngắn;
- D. Tiểu thuyết lịch sử.

### II. Tự luận (8 điểm):

**Câu 1. (2 điểm):** Viết đoạn văn khoảng 8 đến 10 câu nhận xét về nghệ thuật tả người của Nguyễn Du qua đoạn trích Chị em Thúy Kiều (Ngữ văn 9 – tập 1)



**Câu 2. (6 điểm):** Kể lại một giấc mơ trong đó em được gặp người thân đã xa cách lâu ngày.

---HẾT---

## HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 SỐ 7

### MÔN: NGỮ VĂN 9

#### I. Trắc nghiệm (2 điểm)

1 – A, 2 – B, 3 – B, 4 – A.

#### II. Tự luận (8 điểm)

##### Câu 1 (2 điểm)

Đảm bảo các ý sau:

- Tả chị em Thúy Kiều, Nguyễn Du sử dụng bút pháp ước lệ tượng trưng, lấy vẻ đẹp của thiên nhiên để so sánh với vẻ đẹp của con người.
- Dùng lối ẩn dụ để ví von so sánh nhằm làm bật lên vẻ đẹp đài các của hai cô gái, nhà thơ muốn đề cao vẻ đẹp của con người.
- Thủ pháp đòn bẩy, tả Thúy Vân trước, Thúy Kiều sau là bút pháp tài hoa của Nguyễn Du để nhấn vào nhân vật trung tâm: Thúy Kiều, qua đó làm nổi bật vẻ đẹp của nàng Kiều cùng những dự báo về nỗi chuân chuyên của cuộc đời nàng sau này.

##### Câu 2. (6 điểm)

**Yêu cầu về hình thức:**

- Học sinh xác định đúng thể loại tự sự, kết hợp với yếu tố miêu tả, biểu cảm.
- Bố cục mạch lạc, rõ ràng, đủ 3 phần MB, TB, KB.
- Diễn đạt mạch lạc, trôi chảy, không sai lỗi chính tả.

**Yêu cầu về nội dung:**

##### a) Mở bài

- Giới thiệu tình huống cuộc gặp gỡ.

##### b) Thân bài

- Chuyện về một giấc mơ- đó là những việc trong tưởng tượng. Trong đó có thể có những điều kì diệu, cách xa về không gian, vượt qua thời gian thực để trở về quá khứ hay hướng tới tương lai...
- Tuy nhiên câu chuyện trong mơ đó có thể được kể theo diễn biến các sự việc xảy ra và ý nghĩa của những sự việc đó đối với bản thân:
  - + Câu chuyện xảy ra ở đâu, lúc nào?,
  - + Người thân lâu ngày mới gặp là ai, có thể nhận ra người đó với những đặc điểm nào?
  - + Những thay đổi của bản thân và của người em gặp...

##### c) Kết bài

- Quay trở về thời gian thực.
- Cảm xúc, suy nghĩ của em về người thân.

## 8. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 9 – Số 8

**TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT****ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1****MÔN: NGỮ VĂN 9****NĂM HỌC: 2020 – 2021****Thời gian làm bài: 90 phút****Phần I Tiếng việt: (2 điểm)**

Khoanh tròn các đáp án em cho là đúng:

**Câu 1.** Các thành ngữ: “nửa úp nửa mở, nói nước đôi” liên quan đến phương châm hội thoại nào?

- A. Phương châm về chất                      C. Phương châm quan hệ  
B. Phương châm về lượng                    D. Phương châm cách thức

**Câu 2.** Khi chuyển đổi lời dẫn trực tiếp sang lời dẫn gián tiếp ta không cần lưu ý điều gì:

- A. Bỏ dấu hai chấm và dấu ngoặc kép  
B. Có thể thêm “rằng” hoặc “là” trước lời dẫn  
C. Có thể lược bỏ 1 số từ ngữ không cần thiết  
D. Không cần lược bỏ từ ngữ nào

**Câu 3.** Các cụm từ sau cụm từ nào không phải là điển tích điển cố :

- A. Núi Vọng phu .  
B. Cỏ Ngu mĩ.  
C. Lòng chim dạ cá .  
D. Ngọc Mị Nương.

**Câu 4.** Khi giao tiếp phải tuân thủ mấy phương châm hội thoại?

- A. Một;            B. Hai;                      C. Bốn;            D. Năm

**Câu 5.** Từ ‘đầu’ trong đũa nào sau đây được dùng theo nghĩa gốc?

- A. Đầu bạc răng long.  
B. Đầu sừng trắng treo.  
C. Đầu non cuối bể.  
D. Đầu súng ngọn giú.

**Câu 6.** Trong các từ sau từ nào là từ láy?

- A. Tươi tốt  
B. Rỗ rỗ  
C. Lao xao  
D. Bọt bọt

**Câu 7.** Thành ngữ nào có nội dung được giải thích như sau: dung túng, che chở cho kẻ xấu, kẻ phản trắc?

- A. Mỡ để miệng mèo                      B. Nuôi ong tay áo  
C. Éch ngồi đáy giếng                      D. Cháy nhà ra mặt chuột

**Câu 8.** Thành ngữ “ăn ốc nói mò” mang nét nghĩa nào trong những nét nghĩa sau:

- A. Nói nhảm nhí vu vơ                      B. Nói hồ đồ không có căn cứ  
C. Nói bịa đặt vu khống                  D. Nói ba hoa khoác lác

### Phần II: Đọc hiểu văn bản (3 điểm)

#### Cho đoạn văn :

*“Cần tạo cho trẻ em cơ hội tìm, biết được nguồn gốc lai lịch của mình và nhận thức được giá trị của bản thân trong một môi trường mà các em thấy là nơi nương tựa an toàn thông qua gia đình hoặc những người khác trông nom các em tạo ra. Phải chuẩn bị để các em có thể sống một cuộc sống có trách nhiệm trong một xã hội tự do. Cần khuyến khích trẻ em ngay từ lúc còn nhỏ tham gia vào sinh hoạt văn hóa xã hội.”*

(Theo SGK Ngữ văn 9 học kì I -NXB GD Việt Nam)

**Câu 1/** Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Thuộc phần nào của văn bản?

**Câu 2/** Đoạn văn có câu “Phải chuẩn bị để các em có thể sống một cuộc sống có trách nhiệm trong một xã hội tự do”. Theo em hiểu “một cuộc sống có trách nhiệm” của trẻ em là gì ?

**Câu 3/** Nhận thức được tầm quan trọng của chăm sóc và bảo vệ trẻ em Đảng, nhà nước ta đã thể hiện sự quan tâm bằng những việc làm nào?( kể 2-3 việc làm cụ thể).

**Câu 4/** Từ những nhiệm vụ đặt ra cho mọi người trong đoạn văn. Liên hệ với bản thân em, nếu chứng kiến ở đâu đó trong cuộc sống những hành vi ngược đãi, bạo hành đối với trẻ em, lúc ấy em sẽ làm gì?

### Phần III. Tập làm văn: (5 điểm)

Giới thiệu về chiếc quạt giấy- một đồ vật gần gũi trong cuộc sống con người.

---HẾT---

## HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 SỐ 8

### MÔN: NGỮ VĂN 9

#### Phần I. Tiếng việt: (2 điểm)

1 – D, 2 – D, 3 – C, 4 – D, 5 – A, 6 – C, 7 – B, 8 – A.

#### Phần II: Đọc hiểu văn bản (3 điểm)

**Câu 1/** Đoạn văn trích trong văn bản “Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em.”

Đoạn văn thuộc phần cuối của văn bản (phần nhiệm vụ ).

**Câu 2/** Em hiểu “một cuộc sống có trách nhiệm” của trẻ em là:

Trẻ em tự ý thức được các suy nghĩ, hành động, việc làm của mình một cách đúng đắn theo chuẩn mực đạo đức xã hội. Biết tự điều chỉnh bản thân, biết yêu thương chia sẻ... với người khác, không chỉ sống cho riêng mình mà còn cho gia đình, xã hội.

**Câu 3/** Những việc làm của Đảng, nhà nước ta:

xây dựng những nhà văn hóa thiếu nhi, những làng trẻ SOS, những trường học, bệnh viện nhi, tổ chức cho trẻ vui tết trung thu hàng năm, vui ngày quốc tế 1/6...

**Câu 4/** Bản thân em nếu chứng kiến đâu đó trong cuộc sống những hành vi ngược đãi, bạo hành đối với trẻ em, lúc ấy em sẽ:

- Lên tiếng đấu tranh, giải thích cho họ hiểu đó là hành vi vi phạm quyền trẻ em
- Gọi những người xung quanh đến can thiệp.
- Tìm cách báo cho chính quyền địa phương gần nhất.
- > Học sinh có thể có cách xử lý phù hợp vẫn cho điểm.

### Phần III. Tập làm văn: (5 điểm)

**a) Mở bài:** giới thiệu rõ vai trò, ý nghĩa của cái quạt giấy trong đời sống người Việt Nam.

**b) Thân bài:** Lần lượt giới thiệu các nội dung: nguồn gốc, họ hàng, đặc điểm cấu tạo, công dụng và giá trị sử dụng của quạt giấy. Cụ thể:

– Nguồn gốc: Có lẽ quạt giấy xuất hiện từ rất xa xưa khi con người không chỉ có nhu cầu làm mát mà còn làm duyên, làm dáng. Nó vừa gọn nhẹ vừa đòi hỏi bàn tay người thợ thủ công khéo léo chứ không quá đơn giản như quạt lá, quạt mo.

– Chủng loại: Quạt giấy cũng có nhiều loại, phù hợp với từng đối tượng sử dụng. Thông dụng nhất là quạt giấy dành cho các bà các mẹ đi chợ, đi làm, hay lên chùa cúng phật; quạt thóc, quạt lúa cho bà con nông dân mỗi độ mùa màng. Bên cạnh đó còn có cả quạt giấy dành cho công tử cô nương con nhà giàu; quạt dành cho biểu diễn nghệ thuật; quạt dành để trang trí phòng khách... .

-Cấu tạo thông thường quạt giấy gồm hai phần:

+ Phần nan: (Phần khung) Thường làm bằng nứa hoặc tre chẻ mỏng, vót nhẵn. Thông thường mỗi chiếc quạt giấy có 15->17 nan quạt (dễ quạt), hai nan ngoài cùng gọi là nan cái to và chắc chắn hơn. Trung bình nan quạt dài từ 25->30 cm một đầu được gắn với nhau bằng đinh vít giúp quạt xoè ra hình bán nguyệt hoặc gấp lại dễ dàng.

+ Phần giấy: là phần quan trọng tạo nên giá trị của quạt; gồm hai lớp giấy dính với nhau thông qua lớp hồ dán, đồng thời ôm khít phần nan ở giữa. Người ta thường chọn loại giấy vừa bóng, đẹp vừa bền dai. trên bề mặt in đủ các hình ảnh đẹp mắt như phong cảnh quê hương hay bài thơ trữ tình hoặc những hình rồng phượng... sao cho phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng. Ngày nay quạt giấy còn được cách tân làm bằng nhiều chất liệu khác nhau như vải lụa, von mềm hoặc làm bằng gỗ ép, nhựa cao cấp với đủ mà sắc sặc sỡ, diêm dúa khác nhau.

– Giá trị sử dụng: Quạt sinh ra chủ yếu để làm mát cho con người, thế nhưng giá trị của nó lại rất lớn. Nó được coi là đồ vật vừa tiện ích, vừa gọn nhẹ, đồng hành cùng con người trong những ngày nắng nóng. Con người đi bất cứ nơi đâu quạt cũng đi theo làm bạn, giúp con người vui đi bao vất vả mệt nhọc, đỡ dần con người quạt thóc rê lúa được sạch hơn. Quạt còn là đồ vật làm duyên cho các cô thôn nữ, tôn thêm vẻ đẹp cao sang quý phái cho các công tử cô nương con nhà quyền quý. Quạt còn giúp cho các điệu múa thêm nhịp nhàng uyển chuyển, tôn thêm vẻ thâm trầm cổ kính cho phòng khách. Quạt còn dùng làm vật lưu niệm làm quà tặng nhau mỗi khi con người đi xa, về gần...

-Bảo quản quạt dễ dàng, đơn giản. Khi sử dụng cần nhẹ nhàng, tránh làm rách giấy hoặc gãy nan quạt, sử dụng xong gấp lại cẩn thận, cất nơi khô ráo để quạt dùng được bền lâu.

**c) Kết luận:** Nhấn mạnh giá trị, sự tiện ích của quạt giấy trong cuộc sống hiện tại.

## 9. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 9 – Số 9

TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN TIẾT

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN: NGỮ VĂN 9

**NĂM HỌC: 2020 – 2021****Thời gian làm bài: 90 phút****I. ĐỌC - HIỂU: (3,0 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“ ... Vua Quang Trung lại nói:

- Lần này ta ra, thân hành cầm quân, phương lược tiến đánh đã có tính sẵn. Chẳng qua mười ngày có thể đuổi được người Thanh. Nhưng nghĩ chúng là nước lớn gấp mười nước mình, sau khi bị thua một trận, ắt lấy làm thẹn mà lo mưu báo thù. Như thế thì việc binh đao không bao giờ dứt, không phải là phúc cho dân, nữa nào mà làm như vậy. Đến lúc ấy chỉ có người khéo lời lẽ mới dẹp nổi việc binh đao, không phải Ngô Thì Nhậm thì không ai làm được. Chờ mười năm nữa, cho ta được yên ổn mà nuôi dưỡng lực lượng, bấy giờ nước giàu quân mạnh, thì ta có sợ gì chúng?”

(Trích Hồi thứ mười bốn “Hoàng Lê nhất thống chí”- Ngô gia văn phái)

**Câu 1:** Những lời trên là lời của vua Quang Trung nói với ai? Nói trong hoàn cảnh nào?

**Câu 2:** Giải thích nghĩa của từ Phương lược.

**Câu 3:** Lời nói của vua Quang Trung trong đoạn trích trên được dẫn theo cách dẫn trực tiếp hay cách dẫn gián tiếp? Vì sao?

**II. LÀM VĂN: (7,0 điểm)**

**Câu 1: (2,0 điểm)**

Từ đoạn trích trong phần Đọc - Hiểu, hãy viết một đoạn văn ngắn (Khoảng 5-7 câu) nêu lên cảm nhận của em về vẻ đẹp của người anh hùng áo vải Quang Trung - Nguyễn Huệ.

**Câu 2: (5,0 điểm)**

Dựa vào văn bản “Cảnh ngày xuân” (Trích Truyện Kiều của Nguyễn Du), hãy đóng vai Thúy Kiều kể về buổi đi chơi cùng các em nhân tiết Thanh minh.

---HẾT---

**HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 SỐ 9****MÔN: NGỮ VĂN 9****I. ĐỌC - HIỂU (3.0 điểm)**

**Câu 1: (1.0 điểm)**

- Đây là lời vua Quang Trung nói với các tướng lĩnh: Sở, Lân và Ngô Thì Nhậm. (0,5 điểm)
- Hoàn cảnh: Vua Quang Trung kéo quân từ Phú Xuân ra đến Tam Điệp gặp hai vị tướng võ (Sở, Lân) và Ngô Thì Nhậm. (0,5 điểm)

**Câu 2: (1.0 điểm)**

Phương lược: Phương hướng chiến lược

**Câu 3: (1.0 điểm)**

- Lời nói của vua Quang Trung trong đoạn trích trên được dẫn theo cách dẫn trực tiếp. (0,5 điểm)
- Dấu hiệu nhận biết: Nằm sau dấu hai chấm, có sử dụng dấu gạch ngang ở đầu lời dẫn. (0,5 điểm)

## II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

### Câu 1: (2.0 điểm)

#### Yêu cầu về hình thức: (1.0 điểm)

- Viết đúng một đoạn văn, đảm bảo số lượng từ 5 – 7 câu.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ đặt câu.

#### Yêu cầu về nội dung: (1.0 điểm)

Nêu được cảm nhận về vẻ đẹp của người anh hùng áo vải Quang Trung - Nguyễn Huệ: Là một vị vua yêu nước thương dân, có trí tuệ sáng suốt - sáng suốt trong việc dùng người, có ý chí quyết chiến quyết thắng và có tầm nhìn xa trông rộng...

### Câu 2: (5.0 điểm)

#### Yêu cầu chung:

- Học sinh có kĩ năng làm một bài văn tự sự, kết hợp linh hoạt với yếu tố miêu tả và miêu tả nội tâm. Đặc biệt, học sinh cần dựa vào văn bản “Cảnh ngày xuân”, nhập vai Thúy Kiều để kể lại câu chuyện theo ngôi kể mới - kể theo ngôi thứ nhất.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc; văn viết có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

#### Yêu cầu cụ thể:

##### a) Nội dung trình bày: (3.5 điểm)

Học sinh có thể kể theo nhiều cách, nhưng phải đảm bảo được các ý cơ bản sau:

- \* Thúy Kiều giới thiệu đôi nét bản thân và buổi du xuân của ba chị em trong tiết Thanh minh. (0,25 điểm)
  - \* Kể về việc đi chơi trong buổi sáng mùa xuân, kết hợp miêu tả khung cảnh mùa xuân tuyệt đẹp: (1.0 điểm)
    - Thời gian thấm thoát trôi mau...
    - Miêu tả khung cảnh mùa xuân tuyệt đẹp trong buổi sáng mùa xuân.
  - \* Kể và miêu tả khung cảnh lễ hội trong tiết Thanh minh: (1.0 điểm)
    - Giới thiệu khái quát về các hoạt động lễ hội trong ngày Thanh minh.
    - Kể về việc tham dự hội du xuân đông vui, náo nhiệt cùng các nam thanh nữ tú, các tài tử giai nhân...
    - Kể về nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc ta qua phần lễ và hội. (Lễ tảo mộ và hội đạp thanh)
- (Chú ý trong khi kể chuyện cần xen yếu tố miêu tả và miêu tả nội tâm: tâm trạng vui tươi, náo nức của con người khi tham gia lễ hội)
- \* Cảnh ba chị em du xuân trở về: (1.0 điểm)
    - Kết thúc lễ hội, ba chị em trở về trong bóng chiều đang xuống...
    - Miêu tả cảnh và người lúc tan hội...
    - Bộc lộ tâm trạng buồn lưu luyến, có thể xen lẫn dự cảm trong lòng về những việc sẽ xảy ra tiếp sau đó.

\* Khái quát cảm xúc và suy nghĩ sau chuyến du xuân (0,25 điểm)

**b) Hình thức trình bày: (1.0 điểm)**

- Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự gồm 3 phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài (0,5 điểm)
- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu (0,5 điểm)

**c) Sáng tạo: (0,5 điểm)**

- Có những chi tiết đặc sắc, mới mang nét riêng nhưng vẫn phù hợp với nội dung văn bản (0,25 điểm)
- Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (0,25 điểm)

**Lưu ý:** Điểm cho trên phương diện toàn bài, chú ý trân trọng những bài viết sáng tạo, có tư chất văn chương.

**10. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 9 – Số 10**

**TRƯỜNG THCS LƯƠNG THẾ VINH**

**ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1**

**MÔN: NGỮ VĂN 9**

**NĂM HỌC: 2020 – 2021**

**Thời gian làm bài: 90 phút**

**Câu 1 (2,0 điểm):** Đọc các tổ hợp từ sau và trả lời theo yêu cầu bên dưới:

- Người sống đồng vàng.
- Còn người còn cửa.
- Gan vàng dạ sắt.
- Quý hơn vàng.

a) Tổ hợp từ nào là thành ngữ?

b) Cho biết nghĩa của thành ngữ đã tìm được?

c) Đặt một câu có sử dụng thành ngữ đó?

**Câu 2 (2,0đ):**

Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về cái hay của khổ thơ kết thúc bài “Đồng chí” của Chính Hữu:

*“Đêm nay rừng hoang sương muối  
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới  
Đầu súng trăng treo.”*

**Câu 3 (6,0 điểm):**

Phân tích diễn biến tâm trạng của Thúy Kiều thể hiện qua đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích (trích “Truyện Kiều” của Nguyễn Du).

---HẾT---

**HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 SỐ 10**

**MÔN: NGỮ VĂN 9**

**Câu 1: (2,0 điểm)** Cần trả lời các ý sau:

a) Tổ hợp từ gan vàng dạ sắt là thành ngữ (0.5đ)

b) Nghĩa của thành ngữ này là: Biểu thị tinh thần kiên định, vững vàng (0,5đ).

c) Đặt được câu sử dụng đúng thành ngữ trên, có dấu kết thúc câu (1,0đ).

Ví dụ: Chiến sĩ ta gan vàng dạ sắt.

**Câu 2 (2,0 điểm): Yêu cầu:**

- Học sinh viết đúng hình thức đoạn văn cho (0,5đ)

- Về nội dung đảm bảo những ý sau (1,5đ)

+ Đây là đoạn kết bài thơ Đồng chí của Chính Hữu.

+ Trong cảnh “rừng hoang sương muối”, các anh bộ đội “đứng cạnh bên nhau” phục kích, chờ giặc. Trăng như đang treo trên đầu ngọn súng của các anh. Hình ảnh “Đầu súng trăng treo” lung linh trong cảm hứng kết hòa hiện thực và lãng mạn, gợi lên bao liên tưởng và cảm nhận lí thú cho người đọc về: Súng và trăng, gần và xa, thực tại và thơ mộng, chất chiến đấu và chất trữ tình, chiến sĩ và thi sĩ khổ thơ cho thấy bức tranh đẹp về tình đồng chí, đồng đội trong chiến đấu, đồng thời cho thấy vẻ đẹp lãng mạn trong tâm hồn anh bộ đội cụ Hồ thời kì đầu kháng chiến chống Pháp.

**Câu 3 (6 điểm):**

- Yêu cầu chung: HS viết bài văn nghị luận đủ 3 phần. Trong khi phân tích phải dẫn thơ và phân tích cả nội dung và nghệ thuật. Nếu không dẫn thơ mà chỉ kể chung chung trừ nửa số điểm của bài. Giáo viên khi chấm chỉ coi đây là định hướng chấm, cần linh hoạt cho điểm hợp lý.

- **Yêu cầu cụ thể:**

**a. Mở bài (0,5 điểm)**

- Giới thiệu Nguyễn Du và “Truyện Kiều”.

- Giới thiệu đoạn trích và vấn đề cần nghị luận: Diễn biến tâm trạng của Thúy Kiều ở lầu Ngưng Bích.

**b. Thân bài (5,0 điểm)**

- Vị trí đoạn trích (0,5đ): Nằm ở phần 2 của “Truyện Kiều”, Tú Bà đưa Kiều ra sống một mình ở lầu Ngưng Bích thực chất là giam lỏng Kiều, rắp tâm chuẩn bị một âm mưu mới.

- Cửa bể chiều hôm, trước lầu Ngưng Bích, một mình Kiều trơ trọi, cô đơn (1,0đ): HS trích dẫn thơ và phân tích cả nội dung và nghệ thuật.

Không gian mênh mang (bốn bề bát ngát), cảnh tình tan tác, chia lìa (non xa - trăng gần; cát vàng cồn nọ - dặm hồng bụi kia), lòng người phụ bạc đã đẩy Kiều sa vào cảm xúc bế bàng, bơ vơ.

**Nỗi nhớ của Kiều (1,0 điểm)**

- Nàng xót xa, thương nhớ người yêu, thương nhớ cha mẹ.

Nàng xót thương cho người yêu trước (Xót người... đó giờ), xót thương cho cha mẹ sau (Sân Lai... người ôm). Điều đó rất hợp với logic tâm trạng của nàng. Bởi vì để cứu nguy cho gia đình, nàng đã phải lổi thề với người yêu. Mặc cảm tội lỗi cứ đau đáu, đeo đẳng mãi trong tâm hồn nàng. Với ngôn ngữ độc thoại nội tâm, ta thấu hiểu nỗi nhớ của Kiều và càng trân trọng tấm lòng vị tha, hiểu nghĩa chung tình của nàng.

**Nỗi buồn của Kiều (2,0 điểm)**



- Sau cảm xúc nhớ người yêu, cha mẹ, lòng Kiều lại hụt hẫng và nỗi buồn điệp điệp (Buồn trông... ghé ngòi). Cảnh như khơi như vẽ từng biến thái tinh tế trong điệu buồn riêng của nàng. (HS phân tích từng cặp câu thơ để làm nổi bật diễn biến tâm trạng của Kiều, đó là nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương, là nỗi buồn lên đèn trôi dạt vô định như cánh hoa, là nỗi chán ngán triền miên mịt mờ, là nỗi lo sợ, hãi hùng như báo trước dông bão của số phận sẽ nổi lên, xô đẩy vùi dập cuộc đời Kiều)

### **Khái quát (0,5 điểm)**

Với bút pháp nghệ thuật tả cảnh ngụ tình tinh diệu, Nguyễn Du đã khắc họa thật rõ nét từng biến thái tâm trạng nỗi buồn đau đớn của nàng Kiều trước lầu Ngưng Bích, đồng thời cũng làm sáng lên tấm lòng thủy chung, đức tính hiếu thảo, rất đáng được trân trọng ở Thuý Kiều.

### **c. Kết bài (0,5 điểm)**

- Suy nghĩ bản thân về tác giả và nhân vật.
- Liên hệ thực tế.